

KHẢO CỔ HỌC TIỀN - SƠ SỬ KÔNG CHRO: GIÁ TRỊ DI SẢN VÀ GIẢI PHÁP BẢO TỒN, PHÁT HUY GIÁ TRỊ

NGUYỄN THÀNH VƯƠNG

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên
Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

Nhận bài ngày 10/9/2025. Sửa chữa xong 25/10/2025. Duyệt đăng 26/10/2025.

Abstract

The system of opal stone axe workshops at H'lang (Yang Nam Commune, Kông Chro District, Gia Lai), together with recent archaeological discoveries, reveals a large-scale prehistoric lithic production center in the upper Ba River basin. These interconnected sites demonstrate a full chaîne opératoire—from raw material selection and flaking to grinding and final tool shaping. The technological uniformity and typological consistency of the artifacts indicate a high degree of specialization, reflecting advanced labor organization and raw material exchange among ancient Central Highlands communities. New findings, including unfinished tools, production debris, and habitation traces, provide further evidence of a distinct inland lithic tradition in the central region. The H'lang workshop complex holds significant value for understanding prehistoric cultural development and serves as a foundation for conservation planning, exhibition, and sustainable archaeological heritage promotion in Gia Lai and the broader Central Highlands.

Keywords: Archaeological site, conserve, heritage values, Kong Chro archaeology, prehistoric and protohistoric sites, promote.

1. Đặt vấn đề

Các di tích khảo cổ học Tiền - Sơ sử Kông Chro, tỉnh Gia Lai (cũ) là nguồn tư liệu quý phản ánh rõ nét lịch sử hình thành và phát triển của cư dân cổ vùng thượng lưu sông Ba [9, tr. 134]. Kết quả điều tra của các nhà nghiên cứu từ năm 2013 đến 2018 đã phát hiện hệ thống công xưởng chế tác công cụ đá Opal tại làng H'lang và làng Tpon 2, xã Yang Nam (cũ). Đây là một trung tâm sản xuất quy mô lớn, khép kín các khâu khai thác, chế tác và phân phối cho thấy trình độ phát triển cao của cư dân thời Đá mới muộn ở Tây Nguyên. Các di tích không chỉ có giá trị khoa học - lịch sử trong việc nhận diện chủ nhân văn hóa cổ mà còn mang ý nghĩa giáo dục, giúp thế hệ trẻ hiểu biết về cội nguồn và bản sắc địa phương. Đồng thời, di sản khảo cổ này còn có tiềm năng lớn để phát triển du lịch văn hóa - sinh thái bền vững, gắn với không gian văn hóa Bahnar và cảnh quan sông Ba. Tuy nhiên, nhiều di tích đang bị xuống cấp do tác động tự nhiên và con người, đòi hỏi phải có giải pháp đồng bộ về quy hoạch, quản lý, bảo tồn và ứng dụng công nghệ số nhằm gìn giữ, phát huy giá trị di sản phục vụ phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái quát về Tiền - Sơ sử Kông Chro

Là huyện ở phía Đông tỉnh Gia Lai (cũ), trên đường tỉnh lộ nối thị xã An Khê với thị xã Ayun Pa (nay là đường Trường Sơn Đông). Phía đông giáp huyện Vân Canh tỉnh Bình Định và huyện Đồng Xuân thuộc tỉnh Phú Yên; phía tây giáp huyện Mang Yang; phía nam giáp huyện Ayun Pa cùng tỉnh và huyện Đồng

(*) Bài viết là sản phẩm của nhiệm vụ khoa học cấp cơ sở năm 2025 “Điều tra các di tích khảo cổ học tiền – sơ sử huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai” (MSNV: VTN/NV/2025-08) do Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên chủ trì, chủ nhiệm ThS. Nguyễn Thành Vương.

Email: thanhvuongqn2016@gmail.com

Xuân tỉnh Phú Yên; phía Bắc giáp thị xã An Khê và huyện Đăk Pơ. Đơn vị hành chính cấp xã, trị trấn: 14 (1 thị trấn, 13 xã), gồm: Thị trấn Kông Chro, An Trung, Chơ Glong, Chư Krey, Đăk Pling, Đăk Song, Đăk Tpan, Kông Yang, S Ró, Ya Ma, Yang Nam, Yang Trung, Đăk Pơ Pho, Đăk Kơ Ning [5]. Sau quá trình điều chỉnh địa giới hành chính, huyện Kông Chro (cũ) của tỉnh Gia Lai đã được sáp nhập, tái cấu trúc lại địa bàn, hiện bao gồm các xã: Kông Chro, Ya Ma, Chư Krey, Sró, Đăk Song và Chơ Long trực thuộc đơn vị hành chính mới của tỉnh Gia Lai. Sự thay đổi này không chỉ mang ý nghĩa về mặt quản lý hành chính mà còn có tác động nhất định đến công tác nghiên cứu, bảo tồn và phát huy giá trị các di tích khảo cổ học trên địa bàn, đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan chuyên môn và chính quyền địa phương để bảo đảm tính liên tục của tư liệu và giá trị di sản [9].

Triển khai chương trình của đề tài cấp tỉnh Gia Lai, trong 2 năm 2013 và 2014, nhóm các nhà nghiên cứu gồm Nguyễn Khắc Sửu, Phan Thanh Toàn, Nguyễn Kim Vân đã tiến hành khảo sát trên địa bàn huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai và đã phát hiện mới 06 địa điểm sau [7, tr. 16-30]: Các di tích công xưởng H'lang: Tại khu vực làng H'Lang, xã Yang Nam, huyện Kông Chro, Gia Lai đã phát hiện mới 6 di tích công xưởng chế tạo rìu từ đá opal. Các địa điểm này liên khoảnh, phân bố cách nhau không quá 1km. Mỗi di tích đảm trách một trong số các công đoạn của quy trình khai thác và chế tạo khác nhau của hệ thống công xưởng thời tiền sử [4, tr. 33-36].

Tháng 12/2017, trong một lần khảo sát mở rộng, cán bộ Trung tâm Khảo cổ học TP. Hồ Chí Minh và cán bộ Bảo tàng tỉnh Gia Lai đã phát hiện một địa điểm ở làng Tpon 2 (xã Yang Nam) có nguồn nguyên liệu lớn dùng để chế tác công cụ đá Opal và trong đợt khảo sát vào tháng 6/2018, cán bộ Bảo tàng tỉnh Gia Lai đã xác định điểm di tích làng Tpon 2 có tọa độ 13044"46.1 vĩ Bắc; 108031"23.0 kinh Đông, cách UBND xã Yang Nam khoảng 8km về hướng Bắc và nằm ở phía Đông Bắc của cụm di tích làng H'lang. Khu vực di tích rộng khoảng 3.000m². Di tích nằm ở điểm cao của khu vực có địa hình gò đồi lượn sóng với sườn dốc nghiêng thoải nhẹ. Đất có kết cấu phù sa cổ màu xám nâu lẫn sạn sỏi laterite, bề mặt bị bào mòn. Hệ thống các di tích làng H'lang (từ H'lang 1 đến H'lang 6) và di tích T'pon 2 (cách H'lang khoảng 3km) (xã Yang Nam, huyện Kông Chro) là đại diện tiêu biểu cho kỹ thuật chế tạo rìu, bôn có vai bằng đá opal ở Gia Lai. Những di vật tìm thấy đều là các loại hình liên quan đến hoạt động gia công chế tác công cụ bằng đá opal, gồm các loại nguyên liệu, hạch đá, phiến tước, mảnh tước các cỡ đến các loại hình phác vật thuộc nhiều loại hình - kiểu dáng công cụ khác nhau, đất đa dạng. Từ đặc trưng phân bố, nền tảng địa chất và đặc điểm kỹ thuật chế tác đá, có thể nhận thấy công cụ đá cùng với quy trình chế tác công cụ đá ở di tích H'lang được chế tác bằng những kỹ thuật chế tác rất cao như ghè, tu chỉnh, ép... Mức độ tập trung dày đặc cùng đặc điểm hoàn thiện công cụ thành phẩm ở dạng định hình song chưa được mài của công cụ đá H'lang cho thấy nơi đây là trung tâm chế tác rất lớn, những người thợ thủ công nơi đây chuyên chế tác đồ đá để đem trao đổi, cung cấp cho các cộng đồng cư dân xung quanh trên miền cao nguyên trung phần, tương tự nhóm công xưởng chế tác đá ở nam Tây Nguyên [1].

Trong khuôn khổ của nhiệm vụ khoa học cấp cơ sở năm 2025 "Điều tra các di tích khảo cổ học tiền - sơ sử huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai" do tác giả làm chủ nhiệm đã phát hiện 10 địa điểm tại huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai (cũ), nay là các xã An Trung, Chơ Glong, Chư Krey, Đăk Pling, Đăk Song, Đăk Tpan, Kông Yang, S Ró, Ya Ma, Yang Nam, Yang Trung, Đăk Pơ Pho, Đăk Kơ Ning thuộc tỉnh Gia Lai (mới). Các địa điểm thường tập trung quanh các sông/suối hoặc hồ lớn và có các đặc trưng về di vật như sau: Về loại hình hiện vật, các di tích khảo cổ học tiền - sơ sử ở khu vực này đã phát hiện nhiều rìu có vai, rìu tứ giác, bôn hình răng trâu cùng các phác vật, mảnh tước và hạch đá, phản ánh tương đối đầy đủ chuỗi quy trình chế tác công cụ đá. Về chất liệu, cư dân cổ sử dụng đa dạng loại đá như opal có nguồn gốc núi lửa, phthanite, sét sillic, cùng bazan và đá trầm tích địa phương. Sự chọn lọc này thể hiện rõ trình độ hiểu biết về đặc tính vật liệu và khả năng khai thác hợp lý nguồn nguyên liệu tại chỗ. Về kỹ thuật chế tác, các di vật cho thấy người tiền sử đã vận dụng ba kỹ thuật cơ bản gồm ghè đẽo, mài và cưa, đạt đến mức độ tinh xảo cao, phản ánh sự phát triển của kỹ nghệ chế tác đá cũng như trình độ tổ chức lao động và tư duy kỹ thuật của cộng đồng cư dân cổ tại lưu vực sông Ba [9].

Như vậy, từ các kết quả khảo sát và nghiên cứu trong nhiều giai đoạn, có thể nhận thấy huyện Kông

Chro (cũ) - nay thuộc phạm vi hành chính mở rộng của tỉnh Gia Lai là một khu vực tập trung dày đặc các di tích khảo cổ học tiền - sơ sử có giá trị nổi bật. Sự thay đổi địa giới hành chính tuy tạo ra một số thách thức trong công tác quản lý và bảo tồn nhưng đồng thời cũng mở ra cơ hội để nhìn nhận lại tính hệ thống và không gian phân bố của các di tích khảo cổ trong mối liên hệ tổng thể vùng lưu vực sông Ba.

Các phát hiện tiêu biểu như cụm di tích công xưởng H'Lang và địa điểm T'pôn 2 cho thấy đây là một trung tâm chế tác công cụ đá quy mô lớn, sử dụng nguyên liệu opal địa phương và đạt đến trình độ kỹ thuật cao trong chế tác. Bên cạnh đó, kết quả điều tra năm 2025 tiếp tục mở rộng phạm vi nhận diện di tích, bổ sung thêm nhiều địa điểm có đặc trưng tương đồng về loại hình, chất liệu và kỹ thuật chế tác, góp phần làm rõ sự phát triển liên tục của truyền thống kỹ nghệ đá trong khu vực. Các bằng chứng khảo cổ học ở Kông Chro không chỉ minh chứng cho trình độ phát triển của cư dân cổ vùng thượng lưu sông Ba mà còn cung cấp cơ sở khoa học quan trọng cho việc nghiên cứu, bảo tồn và phát huy giá trị di sản khảo cổ học của Gia Lai nói riêng và Tây Nguyên nói chung.

2.2. Giá trị di sản các di tích khảo cổ học Tiền - Sơ sử ở huyện Kông Chro

2.2.1. Giá trị lịch sử

Những phát hiện mới đây đã xác nhận có một trung tâm mới - Trung tâm H'lang, bao gồm 6 địa điểm ở xã Yang Nam, huyện Kông Chro, Gia Lai. Các di tích này có qui mô rất lớn, khép kín từ khâu khai thác, sơ chế và hoàn thiện xuất xưởng. Sản phẩm của công xưởng này không chỉ được trao đổi, sử dụng ở thượng lưu sông Ba mà cả thượng lưu Ea Ayun, một nhánh của sông Ba trên đất các huyện Chư Sê, Chư Prông và Ea H'leo. Sự xuất hiện hệ thống các di tích công xưởng đã xác nhận sự phát triển cao của hoạt động kinh tế nguyên thủy, chuẩn bị cho bước chuyển vào xã hội văn minh với một vùng rộng lớn khá đồng đều ở Tây Nguyên [7, tr. 16-30].

Nổi bật nhất là hệ thống di tích công xưởng H'lang (xã Yang Nam, huyện Kông Chro), gồm 06 địa điểm liên khoảnh, phân bố cách nhau không quá 1 km. Mỗi di tích đảm nhiệm một hoặc một số công đoạn nhất định trong chuỗi quy trình chế tác công cụ đá, từ khâu khai thác nguyên liệu opal tại chỗ, tạo phác vật, tu chỉnh hình dáng, cho đến gia công hoàn thiện bán thành phẩm. Sự phân công lao động mang tính chức năng trong một không gian tập trung như vậy cho phép nhận định rằng đây là một tổ hợp sản xuất có tính chất "công nghiệp thủ công" thời tiền sử, phản ánh bước tiến lớn của xã hội nguyên thủy ở khu vực trung cao nguyên.

Về phương diện lịch sử xã hội, sự tồn tại của các công xưởng như H'lang chứng tỏ cư dân tiền sử nơi đây đã vượt ra khỏi giai đoạn sản xuất tự phát, tiến tới tổ chức sản xuất chuyên môn hóa, có sự hợp tác, phân công và trao đổi sản phẩm. Cấu trúc này phản ánh một dạng kinh tế trao đổi giản đơn (proto-exchange economy) – giai đoạn sơ khai của quá trình chuyển đổi từ kinh tế tự nhiên sang kinh tế sản xuất - trao đổi hàng hóa.

Từ các dấu tích vật chất, có thể giả định rằng hệ thống giao thương cổ dọc sông Ba và các phụ lưu như Ia Ayun đã đóng vai trò trung gian trong việc vận chuyển và phân phối sản phẩm. Xét về không gian địa lý, khoảng cách từ H'Lang (Kông Chro) đến các khu vực trên chỉ dưới 60 km, nối kết tự nhiên qua hệ thống sông Ia Ayun – một phụ lưu quan trọng của sông Ba. Điều này cho thấy khả năng cao H'Lang từng là một trung tâm sản xuất và cung ứng công cụ đá quy mô lớn, đóng vai trò đầu mối trong mạng lưới phân phối sản phẩm thủ công tiền sử ở Gia Lai và lan tỏa sang khu vực Bắc Đăk Lăk, thậm chí đến cả Kon Tum [5, tr. 249].

Từ góc độ lịch sử nhân học, sự hình thành của trung tâm H'lang gắn liền với sự phát triển của nhóm cư dân nói ngôn ngữ Mon-Khmer (Ba Na), vốn sinh sống ổn định lâu đời tại thượng lưu sông Ba. Theo các nghiên cứu nhân chủng học, vào khoảng 3.500 năm BP, sự giao thoa giữa nhóm cư dân Ba Na bản địa và nhóm người nói ngôn ngữ Nam Đảo di cư từ ven biển miền Trung lên cao nguyên đã tạo nên sự phân hóa vùng miền trong nội bộ cộng đồng Ba Na, hình thành hai nhánh Bắc và Nam [3, tr. 71-79]. Các bằng chứng vật chất tại Kông Chro có thể là kết quả trực tiếp của quá trình giao lưu - hợp cư này, khi kỹ nghệ chế tác đá tinh xảo và mô hình tổ chức sản xuất tập trung dần định hình.

Như vậy, xét về mặt lịch sử, Kông Chro giữ vai trò trung tâm trong tiến trình phát triển của cư dân cổ Tây Nguyên, là mắt xích quan trọng kết nối thời đại Đá mới muộn với thời đại Kim khí sớm, đồng thời phản ánh sự chuyển biến từ nền kinh tế săn bắt - hái lượm sang sản xuất có tổ chức và trao đổi sản phẩm - một nấc thang quan trọng trong lịch sử nhân loại ở vùng cao nguyên.

2.2.2. Giá trị văn hóa

Bên cạnh giá trị lịch sử, hệ thống di tích tiền - sơ sử ở Kông Chro còn mang ý nghĩa văn hóa đặc biệt sâu sắc. Các di chỉ H'lang, T'pôn 2, cùng nhiều địa điểm khác dọc lưu vực sông Ba không chỉ phản ánh trình độ kỹ thuật của cư dân tiền sử mà còn lưu giữ những chứng tích của đời sống văn hóa - tinh thần và mối quan hệ con người - môi trường - xã hội trong bối cảnh tự nhiên đặc thù của Tây Nguyên.

Trước hết, về văn hóa vật chất, các công cụ đá được chế tác tinh xảo, đồng nhất về kiểu dáng và chất liệu cho thấy sự thống nhất trong tư duy thẩm mỹ, trong quy chuẩn sử dụng công cụ và trong tri thức công nghệ. Điều này phản ánh sự hình thành một "truyền thống kỹ nghệ địa phương" mà theo các nhà khảo cổ, chính là nền tảng của bản sắc văn hóa khu vực. Sự lựa chọn đá opal - một loại nguyên liệu hiếm, cứng, có độ phản quang và thẩm mỹ cao - không chỉ vì công năng kỹ thuật mà còn thể hiện ý thức biểu tượng và giá trị tinh thần gắn với công cụ.

Về văn hóa tinh thần, những công cụ rìu, bôn có vai có thể mang giá trị nghi lễ hoặc biểu tượng quyền lực trong cộng đồng. Ở nhiều vùng Đông Nam Á, công cụ đá mài được xem là "vật linh", biểu trưng cho năng lực sáng tạo và sức mạnh của người chế tác. Sự phát hiện tập trung của chúng tại Kông Chro gợi mở khả năng nơi đây từng là trung tâm nghi lễ gắn với nghề thủ công, có thể liên quan đến tín ngưỡng phồn thực, sùng bái đá hoặc tôn vinh tổ nghề.

Cùng với đó, sự phân bố các di tích dọc theo các sông, suối, hồ lớn phản ánh mối liên hệ mật thiết giữa cư dân cổ và hệ sinh thái nước - một đặc trưng văn hóa bền vững của cư dân Tây Nguyên sau này. Các con sông không chỉ cung cấp nguồn tài nguyên mà còn là trục giao thương, là "mạch sống" văn hóa nối kết cộng đồng cư dân. Di sản này tiếp tục được lưu giữ trong truyền thống cư trú ven sông, lễ hội nước và tín ngưỡng liên quan đến thần nước (Yang la) của người Ba Na, Jrai ngày nay.

Như vậy, các di tích khảo cổ học ở Kông Chro không chỉ là những địa điểm chứa đựng giá trị khoa học, mà còn là biểu tượng văn hóa, góp phần làm sáng tỏ quá trình hình thành và phát triển bản sắc văn hóa vùng thượng lưu sông Ba. Việc bảo tồn và khai thác hợp lý những di tích này không chỉ có ý nghĩa với khoa học mà còn củng cố nền tảng bản sắc địa phương, bồi đắp niềm tự hào văn hóa của cộng đồng cư dân bản địa.

2.2.3. Giá trị khoa học

Từ góc nhìn khoa học khảo cổ học, hệ thống di tích Kông Chro mang giá trị nổi bật ở ba phương diện: 1) Cấu trúc tổ chức sản xuất; 2) Kỹ nghệ chế tác công cụ; 3) Quan hệ phân bố - trao đổi sản phẩm.

Thứ nhất, cấu trúc tổ chức sản xuất thể hiện ở mô hình "liên xưởng" H'lang. Việc phân công mỗi xưởng đảm nhiệm một công đoạn trong chuỗi chế tác cho thấy sự xuất hiện sớm của cơ chế lao động chuyên hóa và phối hợp tập thể, vượt xa mức độ phân công tự nhiên của cộng đồng săn bắt - hái lượm. Sự xuất hiện hệ thống các di tích công xưởng đã xác nhận sự phát triển cao của hoạt động kinh tế nguyên thủy, chuẩn bị cho bước chuyển vào xã hội văn minh với một vùng rộng lớn khá đồng đều ở Tây Nguyên.

Thứ hai, về kỹ nghệ chế tác, các di vật cho thấy cư dân tiền sử Kông Chro đã sử dụng ba kỹ thuật cơ bản: ghè đẽo, tu chỉnh và mài, trong đó kỹ thuật tu chỉnh bằng ép thể hiện trình độ cơ học cao và khả năng kiểm soát lực tác động tinh vi. Sự xuất hiện của các phác vật và mảnh tước cho phép tái dựng chuỗi công nghệ hoàn chỉnh, chứng minh cư dân nơi đây đã làm chủ tri thức vật liệu và cơ học của đá opal - một loại vật liệu khó gia công.

Thứ ba, về quan hệ phân bố và trao đổi, các dữ liệu so sánh kiểu dáng công cụ ở Kông Chro với các di chỉ trong vùng cho thấy một mạng lưới phân bố vật chất liên vùng đã hình thành. Những trung tâm như Tai Pêr (Chư Sê) hay Đắk Giang (KBang) có thể là "vệ tinh tiêu thụ" sản phẩm từ H'lang, trong khi la

Ayun đóng vai trò trục giao thương tự nhiên nối liền các vùng cư trú. Nếu giả thiết này được xác nhận, H'lang có thể được coi là một “trung tâm công nghiệp nguyên thủy” của Tây Nguyên thời Đá mới muộn.

Từ các dữ liệu nói trên, có thể khẳng định rằng hệ thống di tích Kông Chro không chỉ có giá trị riêng biệt mà còn đóng góp quan trọng cho việc nhận diện tiến trình phát triển văn hóa - kỹ thuật tiền sử ở Tây Nguyên nói riêng và Việt Nam nói chung.

2.2.4. Giá trị giáo dục và phát triển du lịch

Các di tích khảo cổ học ở Kông Chro mang giá trị giáo dục sâu sắc, bởi chúng là minh chứng sống động cho quá trình tiến hóa văn hóa - xã hội của con người trên cao nguyên. Việc đưa các kết quả khảo cổ vào chương trình giáo dục địa phương, tổ chức hoạt động trải nghiệm tại chỗ hoặc tham quan bảo tàng sẽ giúp thế hệ trẻ hiểu rõ nguồn gốc, bản sắc và giá trị di sản của quê hương.

Trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay, việc xây dựng bảo tàng ảo (virtual museum) về khảo cổ học Gia Lai nói chung và Kông Chro nói riêng là hướng đi khả thi. Mô hình này không chỉ giúp bảo tồn tư liệu hiện vật số hóa mà còn mở rộng khả năng tiếp cận di sản đến cộng đồng học sinh, sinh viên, du khách trong và ngoài nước.

Về phương diện phát triển kinh tế - du lịch, Kông Chro nằm trong “vành đai di sản khảo cổ” nối liền An Khê - nơi phát hiện công cụ đá cũ sớm nhất Việt Nam và Đắk Pơ - vùng có nhiều di chỉ sơ kỳ Kim khí. Đây là lợi thế để hình thành tuyến du lịch khảo cổ - văn hóa - sinh thái vùng trung lưu sông Ba, kết hợp giữa di sản khảo cổ, cảnh quan thiên nhiên và bản sắc văn hóa tộc người.

Các yếu tố cảnh quan đặc sắc như thung lũng sông Ba, thác Hang Én, suối La Blang, cùng văn hóa công chiêng, nhà rông, lễ hội, nghề dệt thổ cẩm và ẩm thực đặc trưng của người Ba Na, Jrai có thể trở thành nguồn lực quan trọng cho du lịch cộng đồng bền vững. Nếu được quy hoạch hợp lý, Kông Chro hoàn toàn có thể phát triển theo hướng “Đô thị di sản khảo cổ - sinh thái”, vừa bảo tồn giá trị văn hóa, vừa tạo sinh kế cho người dân địa phương. Như vậy, hệ thống di tích khảo cổ học ở Kông Chro không chỉ có giá trị khoa học và văn hóa mà còn mở ra tiềm năng ứng dụng lớn trong giáo dục và phát triển du lịch bền vững, phù hợp với định hướng chiến lược phát triển tỉnh Gia Lai trong giai đoạn mới.

Tổng hợp các kết quả nghiên cứu và phát hiện khảo cổ học trong nhiều giai đoạn cho thấy huyện Kông Chro (cũ) nay thuộc phạm vi hành chính mở rộng của tỉnh Gia Lai là khu vực có mật độ di tích tiền - sơ sử dày đặc, mang giá trị nổi bật cả về lịch sử, văn hóa, khoa học và giáo dục.

Sự thay đổi địa giới hành chính tuy tạo ra một số thách thức trong công tác quản lý và bảo tồn, song đồng thời mở ra cơ hội tiếp cận mới để nhìn nhận tính hệ thống, sự lan tỏa và mối liên hệ không gian của các di tích khảo cổ trong tổng thể lưu vực sông Ba - một trục văn hóa - lịch sử quan trọng của Tây Nguyên.

Như vậy, có thể khẳng định rằng Kông Chro không chỉ là vùng lõi khảo cổ của Gia Lai mà còn là mắt xích trọng yếu trong tiến trình phát triển văn hóa tiền - sơ sử Việt Nam, góp phần làm sáng tỏ bức tranh văn hóa tiền sử Đông Nam Á lục địa.

2.3. Thực trạng bảo tồn các di tích khảo cổ học Tiền - Sơ sử Kông Chro

Tình trạng hiện tại của các di tích khảo cổ học Tiền - Sơ sử Kông Chro cho thấy nhiều dấu hiệu đáng lo ngại về công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản. Mặc dù các di tích này như khu mộ táng đá Kông Chro, di chỉ cư trú - chế tác công cụ ở xã Yang Trung hoặc cụm di tích dọc sông Ba được xác định có niên đại từ hậu kỳ đá mới đến sơ kỳ kim khí, phản ánh sinh hoạt cư trú và tín ngưỡng sớm của cư dân cổ vùng thượng lưu sông Ba, song hiện nay phần lớn đang trong tình trạng xuống cấp nghiêm trọng. Tác động của thiên nhiên như xói mòn bề mặt, sạt lở do mưa lớn, lũ quét cùng với hoạt động canh tác mở rộng đất nông nghiệp, khai thác khoáng sản nhỏ lẻ và xây dựng hạ tầng giao thông đã làm biến dạng cảnh quan di tích, phá vỡ cấu trúc địa tầng khảo cổ. Một số khu vực có dấu tích công cụ đá hoặc gốm cổ bị người dân thu nhặt, di dời hoặc thất tán trong quá trình sản xuất. Công tác quản lý di tích tại địa phương còn hạn chế, phần lớn chưa được cắm mốc, khoanh vùng bảo vệ hoặc có biện pháp giám sát thường xuyên. Điều này dẫn đến nguy cơ mất mát các tư liệu khảo cổ có giá trị đặc biệt trong việc nghiên cứu tiến trình phát triển văn hóa Tiền - Sơ sử khu vực. Mặt khác, các di tích đều có điểm chung

là nằm trên đất sản xuất nông nghiệp của người dân. Quá trình đô thị hóa, các công trình xây dựng và đặc biệt là tình trạng “trang trại hóa”, nhất là những trang trại quy mô lớn đang ngày càng xâm hại di tích. Việc sử dụng máy móc cơ giới để canh tác ngày càng phổ biến đã phá vỡ, làm xáo trộn địa tầng, mất đi tính nguyên vẹn (insitu) của di tích. Một số di tích có địa tầng rất mỏng (các di tích làng H’lang, xã Yang Nam, huyện Kông Chro; di tích làng Gà 7, xã Ia Bông, huyện Chư Prông...) do vậy mức độ xâm hại càng nặng nề hơn [2]. Bên cạnh đó, tồn tại thực trạng di tích đã khai quật nhưng mới dừng lại ở việc báo cáo kết quả thu được chứ chưa đề xuất giải pháp cụ thể để bảo tồn và phát huy giá trị sau khai quật. Giải pháp bảo tồn trước mắt là lấp hố sau khai quật, tuy nhiên giải pháp này cũng đem đến tình trạng di tích dần bị lãng quên, dần bị lấn chiếm và xâm hại, có nguy cơ bị xóa sổ.

2.4. Giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị các di tích khảo cổ học Tiền - Sơ sử

2.4.1. Tăng cường điều tra, nghiên cứu và tư liệu hóa di tích

a. Củng cố cơ sở nhận thức khoa học về di tích khảo cổ học Tiền - Sơ sử

Việc bảo tồn và phát huy giá trị các di tích khảo cổ học ở huyện Kông Chro phải được đặt trên nền tảng của nghiên cứu khoa học chuyên sâu. Trước hết, cần đẩy mạnh công tác điều tra, khảo sát và khai quật có hệ thống nhằm xác định chính xác quy mô, niên đại, đặc trưng văn hóa và mối liên hệ giữa các di tích trong khu vực thượng lưu sông Ba. Các hoạt động này không chỉ cung cấp dữ liệu thực chứng phục vụ nghiên cứu mà còn giúp hình thành bản đồ phân bố không gian cư trú của cư dân Tiền - Sơ sử ở khu vực miền Đông Gia Lai.

Công tác khảo sát cần được thực hiện theo quy trình khoa học, có sự phối hợp giữa Viện Khảo cổ học, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Gia Lai, các trường đại học chuyên ngành và chính quyền địa phương. Việc này đảm bảo tính khách quan, độ tin cậy của tư liệu, đồng thời tạo điều kiện cho hoạt động đào tạo, thực hành khảo cổ học tại chỗ.

b. Xây dựng và chuẩn hóa hệ thống tư liệu hóa di sản khảo cổ học

Song song với hoạt động thực địa cần tiến hành tư liệu hóa toàn diện hệ thống di tích và di vật khảo cổ học. Trọng tâm là việc xây dựng cơ sở dữ liệu số (digital database) thống nhất, bao gồm: Dữ liệu về vị trí, tọa độ, địa tầng, niên đại và hiện trạng di tích; Hình ảnh, bản vẽ kỹ thuật, ảnh chụp 3D và bản đồ phân bố di vật; Thông tin chi tiết về các kết quả khai quật, báo cáo nghiên cứu và công bố khoa học.

Cơ sở dữ liệu này có vai trò kép: vừa là công cụ quản lý hiệu quả cho cơ quan chuyên môn, vừa là nguồn tư liệu mở phục vụ nghiên cứu liên ngành và giáo dục di sản. Việc chuẩn hóa thông tin theo tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế (như CIDOC-CRM) sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc chia sẻ dữ liệu và hợp tác nghiên cứu trong tương lai.

c. Ứng dụng phương pháp khoa học tự nhiên hiện đại trong phân tích

Bên cạnh các phương pháp truyền thống của khảo cổ học cần tăng cường ứng dụng các kỹ thuật phân tích của khoa học tự nhiên, bao gồm: Phân tích đồng vị bền (stable isotope analysis) để xác định nguồn gốc vật liệu và chế độ dinh dưỡng của cư dân cổ; Phân tích bào tử - phấn hoa (palynology) nhằm tái dựng môi trường sinh thái cổ và quá trình biến đổi khí hậu; Phân tích trầm tích địa chất (sediment analysis) để nhận diện quá trình bồi tụ, phong hóa và xói mòn di tích; Phương pháp định tuổi tuyệt đối (C14 hoặc OSL dating) để xác định niên đại chính xác của các lớp văn hóa.

Những phương pháp này cho phép tái hiện một cách khoa học tiến trình cư trú, sản xuất và thích nghi của cư dân Tiền - Sơ sử, qua đó góp phần làm sáng tỏ bối cảnh văn hóa - sinh thái đặc thù của vùng thượng lưu sông Ba.

2.4.2. Về mặt pháp lý và chính sách

Để bảo vệ hiệu quả các di tích khảo cổ học cần hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật liên quan đến bảo vệ di sản văn hóa, đồng thời tăng cường công tác quản lý nhà nước. Việc xây dựng các quy hoạch bảo tồn di tích cụ thể, có tính khả thi và phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương là rất cần thiết. Ngoài ra, cần có các chính sách hỗ trợ tài chính, kỹ thuật cho công tác bảo tồn và phát huy giá trị di tích.

Cần tiến hành xây dựng một quy hoạch cụ thể cho các điểm di tích khảo cổ học. Việc quy hoạch khảo cổ học được hiểu nôm na là hệ thống bản đồ xác định các di tích trên địa bàn kèm theo phương án bảo vệ hoặc thăm dò khai quật khi cần. Vấn đề này được quy định tại Điều 17, Nghị định 98/2010/NĐ-CP hướng dẫn Luật Di sản văn hóa và Luật Di sản văn hóa sửa đổi.

Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa năm 2009 đã quy định các địa phương có trách nhiệm xây dựng quy hoạch khảo cổ, kèm theo phương án bảo vệ hoặc thăm dò khai quật khi cần [8]. Khi đã xây dựng được quy hoạch khảo cổ với các nội dung cơ bản như số lượng và loại hình di tích, vị trí, phạm vi của di tích, mức độ quan trọng của di tích, tiềm năng nghiên cứu và phát huy giá trị của di tích, những nguy cơ tác động đến di tích... sẽ có cơ sở khoa học để xây dựng các dự án phát triển và thực hiện Luật Di sản văn hóa một cách đầy đủ và đúng luật. Đó sẽ là căn cứ quan trọng để cơ quan chức năng, tùy theo mức độ quan trọng, mà quyết định bảo tồn hay xóa sổ di chỉ, khi phải cân đối với mục tiêu phát triển.

Do đó, để tránh những sự mất mát văn hóa xảy ra như “việc đã rồi”, việc tiến hành xây dựng một quy hoạch khảo cổ học trên địa bàn tỉnh là điều rất cần thiết và đã cấp thiết. Quy hoạch khảo cổ học được làm đầy đủ và chi tiết thì công việc quy hoạch, xây dựng công trình mới sẽ được triển khai một cách chủ động, có kế hoạch trên cơ sở kết hợp giữa bảo tồn và phát triển một cách hài hòa. Khi đó chúng ta có thể đưa ra được những phương án tối ưu, để bảo đảm vẫn phát triển đô thị mạnh mẽ nhưng đồng thời cũng bảo tồn được tối đa các di sản, di tích, di vật.

2.4.3. Nâng cao nhận thức của cộng đồng và phát triển du lịch bền vững

Tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức của cộng đồng về giá trị và tầm quan trọng của việc bảo vệ di sản văn hóa là giải pháp then chốt. Phát triển du lịch văn hóa gắn với bảo tồn di tích không chỉ giúp tạo nguồn thu cho địa phương mà còn góp phần quảng bá giá trị di sản đến đông đảo công chúng. Việc xây dựng các sản phẩm du lịch đặc thù, thân thiện với môi trường và tôn trọng giá trị văn hóa truyền thống là hướng đi bền vững.

Trong một thời gian dài, việc nghiên cứu khảo cổ học không đến được với đông đảo quần chúng nhân dân lao động, nếu có đến được cũng chỉ là những thông tin nhỏ lẻ, không đầy đủ, đôi khi còn trừu tượng, nặng về giả thuyết, xa lạ với nhân dân. Nguyên nhân chính là việc nghiên cứu khảo cổ học thiên về tính hàn lâm mà chưa đi liền với việc phổ biến kiến thức, nâng cao quan trí và dân trí, chưa gắn việc nghiên cứu với việc bảo tồn và phát huy giá trị lịch sử văn hóa của di tích. Do vậy cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền về giá trị di sản khảo cổ đến với người dân một cách ngắn gọn, dễ hiểu để người dân hiểu hơn về văn hóa truyền thống quý báu mà cha ông để lại thông qua các lớp học, các buổi tìm hiểu thực tế tại di tích cùng tham gia khai quật khảo cổ học cũng có thể là bài học kinh nghiệm đối với việc nghiên cứu, bảo tồn các di tích. Đây là một hướng đi bền vững, bởi chỉ khi người dân hiểu về giá trị di tích thì họ mới chủ động tham gia vào việc gìn giữ, bảo tồn và phát huy giá trị của di sản... Bảo vệ và phát huy giá trị của di tích là nền tảng, là nguồn động lực cho sự nghiệp bảo vệ, xây dựng và phát triển đất nước, là quyền lợi và trách nhiệm của mỗi người và của cả cộng đồng.

2.4.4. Ứng dụng công nghệ trong bảo tồn và giới thiệu di tích

Trong bối cảnh chuyển đổi số và xu hướng hội nhập quốc tế hiện nay, việc ứng dụng công nghệ hiện đại vào công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản khảo cổ học đang trở thành hướng đi tất yếu. Các công nghệ như số hóa 3D, thực tế ảo (Virtual Reality - VR) và thực tế tăng cường (Augmented Reality - AR) cho phép tái hiện sinh động các di tích, di vật và không gian văn hóa cổ, giúp công chúng đặc biệt là giới trẻ có thể “trải nghiệm” lịch sử một cách trực quan, hấp dẫn mà không cần tiếp cận trực tiếp hiện vật thật. Bên cạnh đó, các hệ thống giám sát kỹ thuật số như cảm biến môi trường, camera AI hoặc ứng dụng GIS (Hệ thống thông tin địa lý) giúp theo dõi tình trạng bảo tồn di tích theo thời gian thực, phát hiện sớm các nguy cơ xâm hại do thiên nhiên hay con người, từ đó hỗ trợ các cơ quan quản lý đưa ra biện pháp ứng phó kịp thời và hiệu quả.

Việc xây dựng cơ sở dữ liệu số về di sản khảo cổ học cũng góp phần quan trọng trong công tác nghiên cứu, lưu trữ, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan khoa học, bảo tàng và chính quyền địa phương.

Những ứng dụng công nghệ này không chỉ nâng cao hiệu quả bảo tồn mà còn mở rộng khả năng giáo dục, du lịch và quảng bá văn hóa, biến các di tích khảo cổ học trở thành “bảo tàng sống” trong không gian số, nơi di sản được kết nối với cộng đồng và phát huy giá trị một cách bền vững.

3. Kết luận

Từ các kết quả khảo sát và nghiên cứu qua nhiều giai đoạn, có thể khẳng định rằng huyện Kông Chro (cũ) – nay thuộc phạm vi hành chính mở rộng của tỉnh Gia Lai là một trung tâm khảo cổ học tiền – sơ sử tiêu biểu của vùng thượng lưu sông Ba. Khu vực này minh chứng cho sự tồn tại của hệ thống công xưởng chế tác công cụ đá opal quy mô lớn, được tổ chức với phân công lao động tương đối rõ ràng, phản ánh trình độ phát triển cao của kỹ nghệ chế tác đá và sự xuất hiện sớm của phân hóa xã hội sơ khai trong tiến trình phát triển văn hóa – lịch sử của cư dân cổ Tây Nguyên.

Về giá trị lịch sử, các di tích Kông Chro cung cấp bằng chứng xác thực cho quá trình chuyển biến từ xã hội nguyên thủy sang xã hội có tổ chức sản xuất và trao đổi. Các xưởng đá H’Lang không chỉ phục vụ nhu cầu tại chỗ mà còn nhiều khả năng đóng vai trò trung tâm cung ứng công cụ opal cho các khu cư trú khác như Chư Sê, Đắk Pơ, Chư Prông, Bắc Đắk Lắk và Kon Tum. Mỗi liên hệ này phản ánh một hệ thống kinh tế – văn hóa liên vùng hình thành dọc theo lưu vực sông Ba, tạo nên mạng lưới trao đổi và lan tỏa văn hóa tiền sử rộng khắp vùng cao nguyên.

Về giá trị văn hóa, các di vật đặc trưng như rìu có vai, bôn hình răng trâu, đá mài không chỉ là công cụ sản xuất mà còn mang ý nghĩa biểu trưng và tín ngưỡng. Việc lựa chọn đá opal – vật liệu quý, cứng, có ánh sắc cho thấy sự kết hợp giữa yếu tố công năng và thẩm mỹ, phản ánh tư duy biểu tượng và niềm tin thiêng liêng của cư dân cổ đối với tự nhiên. Sự phân bố các di tích dọc theo sông Ba và suối Ia Ayun thể hiện mối quan hệ sinh thái – văn hóa chặt chẽ giữa con người và môi trường, là tiền đề của bản sắc văn hóa Tây Nguyên hiện nay, nơi các tín ngưỡng về và lễ hội nông nghiệp truyền thống vẫn còn được duy trì.

Về giá trị khoa học, Kông Chro cung cấp chuỗi tư liệu kỹ nghệ đá liên tục và hoàn chỉnh, giúp phục dựng tiến trình phát triển kỹ thuật và tổ chức sản xuất của cư dân tiền – sơ sử Tây Nguyên. So sánh giữa di vật Kông Chro với các di chỉ cùng loại ở An Khê, Đắk Pơ, Chư Sê cho phép xác định một không gian văn hóa – kỹ thuật thống nhất trong lưu vực sông Ba, góp phần khẳng định vai trò trung tâm của Gia Lai trong mạng lưới văn hóa tiền sử khu vực Đông Dương. Đây là nguồn tư liệu quý giá, giúp làm rõ quá trình tiến hóa xã hội, phân công lao động và giao lưu văn hóa sớm giữa các nhóm cư dân bản địa.

Từ góc độ giáo dục và phát triển, hệ thống di tích Kông Chro là nguồn tư liệu sinh động phục vụ giáo dục lịch sử – địa phương và giáo dục di sản. Việc ứng dụng công nghệ để xây dựng bảo tàng số, trưng bày ảo (virtual museum) hoặc tổ chức tour khảo cổ học trải nghiệm sẽ giúp lan tỏa tri thức đến cộng đồng, đặc biệt là giới trẻ, qua đó bồi dưỡng lòng tự hào và ý thức bảo tồn di sản. Đồng thời, Kông Chro có tiềm năng trở thành điểm đến du lịch văn hóa – sinh thái – khảo cổ, kết nối với An Khê, Đắk Pơ, Ayun Pa hình thành tuyến du lịch di sản lưu vực sông Ba, góp phần phát triển kinh tế – xã hội gắn với bảo tồn văn hóa bản địa.

Tuy nhiên, công tác bảo tồn di tích hiện nay còn đối mặt nhiều thách thức: xói mòn, khai thác đất đá, canh tác nông nghiệp, cùng thiếu cơ chế quản lý và nguồn lực khiến nhiều địa điểm chưa được khoanh vùng, cắm mốc, xếp hạng. Do đó, cần sớm triển khai giải pháp tổng thể gồm: hoàn thiện hồ sơ di tích, số hóa dữ liệu khảo cổ, hợp tác nghiên cứu giữa Bảo tàng Gia Lai, Viện Khảo cổ học, các trường đại học, và gắn bảo tồn với phát triển du lịch cộng đồng bền vững.

Tổng kết lại, Kông Chro không chỉ là vùng lõi khảo cổ học Tiền – Sơ sử của Tây Nguyên mà còn là biểu tượng giao thoa giữa con người – thiên nhiên – văn hóa. Việc tiếp tục nghiên cứu, bảo tồn và phát huy giá trị hệ thống di tích này sẽ góp phần làm phong phú bản đồ khảo cổ học Việt Nam, đồng thời mở ra hướng phát triển bền vững dựa trên di sản văn hóa bản địa, góp phần giữ gìn ký ức lịch sử và bản sắc Tây Nguyên cho các thế hệ tương lai.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bá Tính (2021). *Giải pháp nào để bảo tồn và phát huy giá trị di sản khảo cổ học ở Gia Lai hiện nay*. Nguồn: <https://baotangpleiku.gialai.gov.vn/tin-tuc-su-kien/Tin-tong-hop/GIAI-PHAP-NAO-DE-BAO-TON-VA-PHAT-HUY-GIA-TRI-DI-SA>, ngày 17/03/2021.
- [2] Huỳnh Bá Tính (2021). *Một số đặc trưng di vật đá trong các di tích Tiền sử Đá mới ở Gia Lai*. Nguồn: <https://baotangpleiku.gialai.gov.vn/tin-tuc-su-kien/Tin-tong-hop/MOT-SO-DAC-TRUNG-DI-VAT-DA-TRONG-CAC-DI-TICH-TIEN>, ngày 28/8/2021.
- [3] Nguyễn Khắc Sử, Đoàn Văn Phúc (2014). *Giả thiết về chủ nhân các di tích văn hóa Đá mới muộn ở Tây Nguyên*. Tạp chí Khảo cổ học, số 6, tr. 71-79.
- [4] Nguyễn Khắc Sử và nhóm nghiên cứu (2015). *Phát hiện 6 di tích công xưởng chế tác rìu đá opal ở H'lang, Kông Chro, năm 2014 trong Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 2019*. NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [5] Nguyễn Thị Kim Vân (chủ biên, 2019). *Lịch sử Gia lai từ nguồn gốc đến năm 1975*. NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [6] Nguyễn Thành Vương (2025). *Báo cáo sơ bộ kết quả điều tra khảo cổ học huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai (cũ)*. Tư liệu Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên, Đắk Lắk.
- [7] Phan Thanh Toàn (2015). *Hệ thống các công xưởng chế tác đá ở thượng du sông Ba*. Tạp chí Khảo cổ học, số 1, tr. 16-30.
- [8] Quốc hội (2009). *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa*. Luật số 32/2009/QH12, ngày 18/06/2009.
- [9] Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2025). *Nghị quyết số 1664/NQ-UBTVQH, ngày 16/6/2025 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Gia Lai năm 2025*.
-

TIẾN TRÌNH XÂY DỰNG CÁC ĐẠI HỌC TRỌNG ĐIỂM...

Tiếp theo trang 178

3. Kết luận

Từ những năm 50 (thế kỉ XX) đến nay, Trung Quốc đã có chiến lược “khoanh vùng”, quy hoạch và xây dựng các đại học trọng điểm nhằm hội nhập với giáo dục đại học thế giới. Những thành tựu đạt được của các đại học trọng điểm ở Trung Quốc là bằng chứng sinh động cho thấy tính đúng đắn của chiến lược đó. Đối với Việt Nam, việc từng bước xây dựng các đại học trọng điểm đạt chuẩn quốc tế cũng là khát vọng chính đáng, thể hiện nhận thức về tầm quan trọng của tri thức trong thời đại cạnh tranh toàn cầu. Việc tập trung nguồn lực đầu tư, đẩy mạnh đổi mới giáo dục, cải thiện môi trường nghiên cứu và tăng cường hợp tác quốc tế sẽ giúp Việt Nam xây dựng các trường đại học trọng điểm đạt chuẩn khu vực và thế giới. Đây không chỉ là mục tiêu phát triển giáo dục mà còn là chiến lược quan trọng để nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia và thúc đẩy phát triển bền vững trong thời kỳ toàn cầu hóa. Để thành công, Việt Nam cần học hỏi kinh nghiệm từ các quốc gia phát triển, đặc biệt là những nước có hệ thống đại học trọng điểm hiệu quả như Trung Quốc, đồng thời đảm bảo sự phù hợp với điều kiện thực tiễn của đất nước.

Tài liệu tham khảo

- [1] Academic Ranking of World Universities (2023), <https://www.shanghairanking.com/rankings/arwu/2023>.
- [2] Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam (2018). *Báo cáo tổng kết 20 năm xây dựng và phát triển các trường đại học trọng điểm quốc gia*.
- [3] Clarivate (2023). *Clarivate Reveals World's Influential Researchers in Highly Cited Researchers 2023 List*, <https://clarivate.com/news/clarivate-reveals-worlds-influential-researchers-in-highly-cited-researchers-2023-list/>, ngày đăng: 15/11/2023.
- [4] Nguyễn Văn Căn (2006), *Quá trình cải cách giáo dục ở Cộng hòa nhân dân Trung Hoa thời kì 1978 - 2003*, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, Viện Nghiên cứu Trung Quốc.
- [5] Nguyễn Huy Quí (2004), *Lịch sử hiện đại Trung Quốc* (sách tham khảo), NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tr. 169.
- [6] Bộ Giáo dục Trung Quốc (2008), “211工程” 投资建设完成情况, http://www.moe.gov.cn/jyb_xwfb/xw_zt/moe_357/s3580/moe_1980/moe_1983/tnull_9077.html, ngày đăng: 01/4/2008.
- [7] 人民网-人民日报 Nhân dân nhật báo, 张烁 (2012), 32所教育部直属“985工程” 高校获逾450亿元支持, <http://edu.people.com.cn/n/2012/1228/c1006-20040787.html>, ngày đăng: 28/12/2012.
- [8] The Times Higher Education World University Rankings (2023), <https://www.timeshighereducation.com/world-university-rankings/2023/world-ranking>.
- [9] Wu Zhaohui (2020), *A renewed Double First Class initiative will help Chinese universities better engage with global challenges*, Times Higher Education, <https://www.timeshighereducation.com/opinion/renewed-double-first-class-initiative-will-help-chinese-universities-better-engage-global>, ngày đăng: 05/5/2020.